

**UBND TỈNH ĐỒNG THÁP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SỞ TÀI CHÍNH** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 07/BC-STC

*Đồng Tháp, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

**BÁO CÁO**

**Giá cả thị trường và công tác quản lý giá tháng 4 năm 2020**

**I-Tổng quan:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 năm 2020 giảm 1,37% so với tháng trước; tăng 5,68% so với bình quân cùng kỳ năm trước và giảm 0,71% so với tháng 12 năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 5 nhóm tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,44%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,07%; Thiết bị đồ dùng gia đình tăng 0,25%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; Hàng hoá dịch vụ khác tăng 0,07%.

Có 03 nhóm hàng hoá giảm giá là Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 2,2 %; Giao thông giảm 15,27%; Văn hoá giải trí du lịch giảm 0,04%. Các nhóm còn lại giá ổn định.

CPI tháng 4 năm 2020 giảm chủ yếu do:

1. Chỉ số giá nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 2,2 % ảnh hưởng từ việc giảm giá dầu và gas.
2. Chỉ số giá nhóm giao thông giảm 15,27% do việc điều chỉnh giá nhiên liệu trong tháng.

Bên cạnh đó, có các yếu tố khác gây áp lực lên tốc độ tăng CPI như: Thời tiết nắng nóng nên giá một số đồ uống ngoài gia đình tăng nhẹ. Ngoài ra giá lương thực cũng tiếp tục đà tăng với mức 1,96% so với tháng trước.

Chỉ số giá vàng tháng 4 giảm 1,47% so với tháng trước. Đô la Mỹ tăng 0,66% so với tháng trước và tăng 1,23% so với tháng 4 năm trước.

CHỈ TIÊU	Chỉ số giá tháng 4/2020 so với (%)				
	Kỳ gốc năm 2014	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ năm 2019

<b><u>Chỉ số giá tiêu dùng</u></b>	<b><u>115,50</u></b>	<b><u>103,90</u></b>	<b><u>99,29</u></b>	<b><u>98,63</u></b>	<b><u>105,68</u></b>
I.Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124,55	111,37	102,7 6	100,44	110,51
- Lương thực	112,58	104,80	103,3 3	101,96	101,52
- Thực phẩm	129,97	114,41	102,7 7	100,23	113,65
- Ăn uống ngoài gia đình	119,01	107,96	102,3 7	100,01	108,60
II.Đồ uống và thuốc lá	106,74	101,26	100,2 3	100,00	101,28
III.May mặc, mũ, nón, giày dép	112,30	103,54	100,9 7	100,07	103,55
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	106,65	99,99	98,51	97,80	103,37
V.Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,28	103,12	101,3 1	100,25	102,69
VI.Thuốc và dịch vụ y tế	204,41	101,94	100,0 6	100,03	101,92
VII.Giao thông	236,50	102,16	100,0 0	100,00	102,16
VIII.Bưu chính viễn thông	72,09	78,97	78,86	84,73	97,04
IX.Giáo dục	100,04	100,06	100,0 2	100,00	100,07
X.Văn hóa, giải trí và du lịch	134,84	103,26	100,0 2	100,00	103,26
XI.Hàng hóa và dịch vụ khác	144,07	103,66	100,0 0	100,00	103,66
* Chỉ số giá vàng	107,36	101,31	100,8 0	99,96	101,55
* Chỉ số giá đô la Mỹ	111,16	103,11	100,9 5	100,07	102,85

## **II-Diễn biến giá cả một số mặt hàng chủ yếu:**

Thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tháng 4/2020 phong phú đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cho nhân dân. Về giá cả, nhiều mặt hàng vẫn ổn

định, riêng một số mặt hàng thực phẩm trước khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện biện pháp cách ly xã hội trong vòng 15 ngày thì giá cả có tăng nhưng không nhiều, nguyên nhân nhiều người dân mua nguồn thực phẩm để dự trữ. Đặc biệt, là giá heo hơi đứng ở mức cao 85.000 đồng/kg. Đối với mặt hàng thiết bị y tế, nhất là mặt hàng khẩu trang mặc dù hiện nay có nhiều cơ sở sản xuất mặt hàng này nhưng vẫn ở mức giá cao, do chưa hết dịch bệnh, nhu cầu thị trường còn đang tiêu thụ mạnh. Cụ thể như sau:

## **1/ Lương thực – thực phẩm:**

### **a/ Giá lương thực:**

Giá lương thực trong tháng tăng nhẹ do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng tâm lý người tiêu dùng. Tại thị trường giá gạo tẻ thường ở mức 11.000 đ/kg – 13.000 đ/kg, gạo tẻ ngon từ 14.000đ/kg – 18.000đ/kg..

Theo báo cáo tình hình giá lương thực của Công ty lương thực Đồng Tháp giá lúa khô tại kho: lúa dài thơm 8 6.950-7.000đ/kg; lúa OM5451 6.650-6.700đ/kg; lúa IR 50404 6.100-6.150đ/kg; Giá thành Gạo trắng thành phẩm (không bao bì): gạo 5% 9.900đ/kg, gạo 15% 9.700đ/kg, gạo 25% 9.500đ/kg, gạo DT8 11.000đ/kg, gạo OM 5451 10.850đ/kg.

### **b/ Giá thực phẩm:**

- Giá một số mặt hàng gia súc, gia cầm: Giá heo hơi 70.000-85.000đ/kg, thịt đùi 130.000-140.000đ/kg, thịt nạt thăn 110.000-120.000đ/kg, thịt ba rọi ngon 110.000-120.000đ/kg, thịt sườn 150.000-180.000đ/kg tùy loại, thịt Bò phi lê 220.000-250.000đ/kg, thịt Bò đùi 190.000-220.000đ/kg, thịt Trâu 220.000-240.000đ/kg. Cá lóc nuôi 35.000-45.000đ/kg, cá lóc đồng 100.000-120.000đ/kg, cá Diêu hồng 45.000-50.000đ/kg, cá rô nuôi 45.000-50.000/kg, cá rô đồng 90.000-100.000/kg, cá chép 55.000đ/kg, cá Thu 130.000-135.000đ/kg, các loại cá, Vịt xiêm 80.000-85.000đ/kg, vịt ta 55.000-65.000đ/kg; gà công nghiệp từ 65.000-80.000đ/kg, gà ta sống 120.000-135.000đ/kg, trứng gia cầm 2.500-3.000đ/quả.

- Giá cả các loại rau tươi trong tháng có xu hướng tăng nhẹ, riêng một số mặt hàng có giá tăng do nhu cầu tiêu dùng cao như: khổ qua, cải xanh, cải thìa, dưa leo; lượng hàng về chợ đảm bảo cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng ổn định. Mức giá một số loại như sau: cải xanh từ 18.000-20.000đ/kg, cà chua 15.000đ/kg; khổ qua, bí xanh, bắp cải từ 12.000-14.000đ/kg; rau muống từ 10.000-12.000đ/kg.

- Giá một số mặt hàng thực phẩm công nghệ trong tháng tương đối ổn định. Dầu ăn hiệu Simply 2l 98.000đ/chai; hạt nêm Neptune 380g 26.000đ/gói; Sữa ông thọ 380g 22.800đ/hộp; Xúc xích visan 40g 4.500đ/cây Mì tôm 98.000-150.000đ/thùng/30gói tùy loại; Đường cát trắng rời 16.500-17.000đ/kg, hạt to 17.500-18.000đ/kg, đường gói 20.000-21.000đ/kg tiêu hạt loại 1 từ 180.000-200.000đ/kg.

## **2/ Giá vật tư, vật liệu xây dựng, nhiên liệu:**

### **a/ Giá vật tư nông nghiệp:**

Giá vật tư nông nghiệp trong tháng không biến động so với tháng trước: phân Urê Phú Mỹ 8.800-9.000đ/kg, N-P-K 20-20-15: 10.000-12.000đ/kg; Kali đỏ Liên xô 60% 7.800-8.000đ/kg; Super lân Long Thành 3.800đ/kg.

### **b/ Giá vật liệu xây dựng:**

Giá vật liệu xây dựng ổn định so với tháng trước, giá các loại như sau: thép khoanh phi 6-8 liên doanh Việt nhật: 15.000-15.500đ/kg, xi măng Hà Tiên: 88.000đ/bao, xi măng holcim: 92.000đ/bao, cát san lấp 110.000-120.000đ/m<sup>3</sup>, cát xây dựng khai thác (hạt trung): 205.000-230.000đ/m<sup>3</sup>.

## **3/ Giá vàng, đôla Mỹ:**

- Từ đầu tháng, giá vàng trên địa bàn dao động tăng theo xu hướng tăng của giá vàng thế giới. Giá vàng nhẫn địa phương bình quân (mua vào - bán ra) là 3.946.000 – 3.989.000đ/chỉ.

- Giá đô la Mỹ tháng 4 dao động không đáng kể, bình quân tại ngân hàng Vietcombank: 23.350-23.560đ/Đôla.

## **4/ Giao thông:**

### **a/ Giá dịch vụ trông giữ xe:**

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Các điểm trông giữ xe tại các chợ và bệnh viện đều chấp hành đúng theo quy định về giá dịch vụ trông giữ xe như thực hiện niêm yết giá, thu đúng giá niêm yết.

### **b/ Giá cước vận tải:**

Giá cước ô tô đường dài (BX Cao Lãnh-BX Miền Tây do nhà xe Quốc Hoàng cung cấp): 95.000 đồng/vé, giá cước xe buýt công cộng (dưới 30km) 15.000 đồng/vé, giá cước taxi (10km đầu, loại xe 4 chỗ) 12.000đồng/km.

### **c/ Giá nhiên liệu:**

- Trong tháng 4/2020 giá xăng, dầu điều chỉnh như sau:

+ Lần 1: Lúc 15 giờ 00 ngày 13/4/2020 xăng RON 95-III 12.160đ/lít (-650đ); xăng E5 RON 92: 11.560đ/lít (-620đ); dầu diesel 0,05S: 11.030đ/lít (-440đ), mazut 3,5S: 9.500đ/kg (-130đ), mazut 3S: 10.620đ/kg (-140đ), dầu hoả: 8.800đ/lít (-520đ).

+ Lần 2: Lúc 15 giờ 00 ngày 28/4/2020 xăng RON 95-III 11.860đ/lít (-300đ); xăng E5 RON 92: 11.150đ/lít (-410đ); dầu diesel 0,05S: 10.130đ/lít (-900đ), mazut 3,5S: 8.840đ/kg (-660đ), mazut 3S: 9.960đ/kg (-660đ), dầu hoả: 8.110đ/lít (-690đ).

- Giá bán gas: 270.000đồng/bình 12kg (Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ).

### **III. Công tác quản lý giá tháng 4/2020:**

Theo dõi thu thập thông tin giá cả hàng ngày và lập báo cáo giá cả thị trường.

Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, thông báo điều chỉnh giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá với 01 lượt hồ sơ kê khai giá, 04 lượt thông báo và hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của các đơn vị về trình tự, thủ tục thực hiện kê khai, thông báo giá.

Công tác phối hợp: phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định giá dự toán mua sắm thiết bị đối với các dự án đầu tư xây dựng, ý kiến dự án đầu tư; tham gia góp ý các ngành liên quan thuộc lĩnh vực quản lý giá, tài sản công,... các công tác khác theo sự phân công, chỉ đạo.

### **IV- Phương hướng công tác tháng 5/2020:**

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định. Thẩm định phương án giá đất.
- Xử lý các công tác chuyên môn khác.

Trên đây là báo cáo tình hình giá thị trường và công tác quản lý giá tháng 4/2020, Sở Tài chính Đồng Tháp báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) nắm đề có hướng chỉ đạo./.

#### ***Nơi nhận:***

- Cục Quản lý giá (BTC);
- UBND tỉnh (b/c);
- VP Tỉnh ủy;
- Cục Thuế;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng TC-KH huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VP, QLG.CS.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Cả**